

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ RIỀNG  
TỈNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HSST

Ngày: 29/12/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Đinh Thị Hải**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Mai Xuân Thành**

**Bà Trần Thị Thanh Miên**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **Ông Bùi Hoàng Long** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Phước.

*Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Phước tham gia phiên tòa:*  
**Ông Trịnh Duy Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Tiến B** – Tên gọi khác: Không

Sinh năm 1997 tại Phước

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Phú Tín, xã P huyện R, tỉnh Phước

Trình độ văn hóa: 9/12;

Nghề nghiệp: không.

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

Con ông Trịnh Tiến K (đã chết) và bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1965

Vợ con: Chưa có

Tiền án: Không

Tiền sự: 01. Ngày 23/6/2020, bị Công an xã P, huyện P xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Bùi Đức Đ** – Tên gọi khác: Không

Sinh năm 1986 tại Phước.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Phú Tín, xã P, huyện P, tỉnh Phước

Trình độ văn hóa: 6/12;

Nghề nghiệp: Không

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không;

Con ông Bùi Đức Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1962.

Có vợ là Đỗ Thị L – sinh năm 1992, có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án: Không

Tiền sự: 01. Ngày 23/6/2020, bị Công an xã P, huyện P xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bị hại:**

Nông trường cao su N, Công ty cao su P.

Người Đ diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện B, tỉnh Phước.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Các bị cáo Trịnh Tiến B và Bùi Đức Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 03/7/2020, Trịnh Tiến B đi cạo mủ cao su về, đi bộ đến nhà Bùi Đức Đ cách nhà khoảng 70m rồi đi trộm mủ cao su để bán lấy tiền tiêu xài thì Đ đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển kiểm soát: 93G1 – 632.82 chở B mang theo 02 đèn pin và 02 bao nylon đi đến lô cao su số B73, B74 của Nông trường Cao su N tại thôn Phú Lâm, xã P, huyện R. Khi đến nơi, Đ và giấu xe mô tô ở vườn điều của nhà dân gần đó rồi dùng đèn pin soi đường đi bộ vào lô bóc mủ đông ở trong chén. Khi bóc được khoảng 10kg mủ thì nhặt một bao xác rắn ở trong lô rồi cả hai để số mủ lấy được vào bao mang ra xe mô tô để rồi tiếp tục quay lại lấy mủ. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, các anh Nguyễn Văn T, Đỗ Thanh M và Lê Văn P là bảo vệ của Nông trường Cao su N phát hiện, bắt quả tang B và Đ đang có hành vi trộm cắp mủ cao su và đã giao người cùng toàn bộ số mủ thu được cho Công an xã P.

Tang vật thu giữ gồm:

11,8 kg (Mười một phẩy tám) mủ cao su, loại mủ đông; 02 (Hai) đèn pin đội đầu, 01 cái màu vàng và một cái màu xanh; 01 (Một) xe mô tô Wave Fashion, màu đen, Biển kiểm soát: 93G1-032.82, Số máy: VTLZSMH00047125, số khung: RRSWCH6RS61006413.

Tại Bản kết luận định giá số 41/KL-HĐĐG ngày 10/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện R: Tại thời điểm ngày 03/7/2020 giá trị 11,8kg mủ cao su, loại mủ đông là 118.000 đồng (Một trăm mười tám nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 68/CTr-VKS ngày 12/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Phước đã truy tố các bị cáo Trịnh Tiến B, Bùi Đức Đ tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đ diện kiểm sát nhân dân huyện R giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trịnh Tiến B từ 06 đến 09 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức Đ từ 06 đến 09 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo Trịnh Tiến B và Bùi Đức Đ tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, đủ có cơ sở xác định:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào ngày 03/7/2020, Trịnh Tiến B và Bùi Đức Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 11,8kg mủ cao su, loại mủ đông, theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự có giá trị là 118.000 đồng của Nông trường Cao su N, huyện R và bị bắt quả tang. Mặc dù, giá trị tài sản và Đ chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng

nhưng trước đó ngày 23/6/2020, và Đ đã bị Công an xã P, huyện P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản mà còn vi phạm.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản Cáo trạng số 68/CTr-VKS ngày 12/11/2020 đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội . Do lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên đã lựa chọn việc thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản bán lấy tiền để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo các đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại , gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương và hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự cấu kết, bàn bạc trước với nhau. Do đó, các bị cáo đều có vai trò ngang nhau trong vụ án nên phải chịu hình phạt ngang nhau.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; thiệt hại tài sản của người bị hại không lớn. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Theo Báo cáo đề nghị số 02/TT-ĐN ngày 03/7/2020 của Nông trường N thì từ tháng 5/2020 trở lại đây, nông trường liên tục bị mất mùa. Ngày 20/6/2020, các bị cáo B và Đ đã bị bắt quả tang về hành vi lấy trộm mùa của nông trường, đã bị xử lý vi phạm hành chính. Đến ngày 03/7/2020 các bị cáo lại tiếp tục trộm cắp mùa cao su của nông trường mặc dù trước đó lực lượng bảo vệ đã nhiều lần tới nhà các bị cáo để gặp gỡ, tuyên truyền, nhắc nhở. Thể hiện sự coi thường và ý thức chấp hành pháp luật kém của các bị cáo. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Quan điểm của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 đèn pin đội đầu, 01 cái màu vàng và một cái màu xanh là tài sản của Trịnh Tiến B và Bùi Đức Đ sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 11,8 kg (Mười một phẩy tám) mủ cao su, loại mủ đông, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Nông trường Cao su N, ngày 05/7/2020, Công an xã N, huyện R đã trả lại cho Nông trường Cao su N nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với 01 xe mô tô Weva Fashion, màu đen, Số máy: VTLZSMH00047125, số khung: RRSWCH6RS61006413 là xe của gia đình anh Tạ Vũ L, sinh năm: 1990 bị mất trộm tại xã N, huyện B năm 2018. Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã Thông báo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B tiếp nhận để điều tra theo thẩm quyền, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với Biển kiểm soát: 93G1-032.82 là biển kiểm soát xe mô tô được làm giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Trịnh Tiến B, Bùi Đức Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trịnh Tiến B **06 (sáu)** tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Đức Đ **06 (sáu)** tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi chấp hành án.

### **2. Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu tiêu hủy 02 đèn pin đội đầu, 01 cái màu vàng và một cái màu xanh; Tịch thu tiêu hủy 01 Biển kiểm soát 93G1-032.82.

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0011703 ngày 10/11/2020 giữa Công an huyện R và Chi cục thi hành án dân sự huyện R).*

### **3. Về án phí:**

**Án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết về án phí, lệ phí: Buộc các bị cáo **Trịnh Tiến B, Bùi Đức Đ** phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- CA huyện P;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Thị Hải**